



## Business TV

BEFX-H series

### Thế hệ TV tái định nghĩa hoạt động kinh doanh

Được phát triển dựa trên hiệu suất đỉnh cao của dòng TV phổ thông, thế hệ Business TV BEFX-H được tối ưu hóa cho đa dạng môi trường kinh doanh. Từ quán cà phê, cửa hàng thời trang đến nhà thuốc, phòng khám và chuỗi bán lẻ, sản phẩm mang đến chất lượng hình ảnh UHD sắc nét, thu hút sự chú ý của khách hàng và nâng tầm môi trường kinh doanh của bạn. Kết hợp với các công cụ tiện ích như Ứng dụng Business TV và VXT, bạn có thể dễ dàng khởi tạo, lên lịch và quản lý nội dung quảng cáo mà không cần phần cứng bổ sung hay hệ thống phức tạp. Sản phẩm hội tụ tính thông minh, đơn giản và thiết kế có mục tiêu nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của bạn mỗi ngày.

### Tính năng chính



#### Ứng dụng Samsung Business TV

Khả dụng trên thiết bị di động Android hoặc iOS, nên người dùng có thể khởi tạo, quản lý và hiển thị nội dung tùy chỉnh từ xa một cách thuận tiện.



#### Độ phân giải 4K

Mãn nhãn đến từng chi tiết dù là nhỏ nhất Độ phân giải 4K UHD với số điểm ảnh gấp 4 lần FHD thông thường cho ra hình ảnh sắc nét, sống động như thật.



#### SmartThings Pro

Kết nối SmartThings Pro nâng cao sự tiện lợi, an toàn và tối ưu tiêu thụ năng lượng trong nhiều môi trường kinh doanh.

\* Một số tính năng của SmartThings Pro có thể khác nhau tùy theo kiểu máy và yêu cầu gói đăng ký bổ sung.



#### Giải Pháp Digital Art kết hợp cùng Nioo

Bắt tay cùng Nioo, nền tảng giải pháp nghệ thuật kỹ thuật số toàn cầu, Samsung mang đến khả năng truy cập dễ dàng vào bộ sưu tập tác phẩm nghệ thuật thông qua ứng dụng Nioo được cài đặt sẵn.

\* Cần đăng ký bổ sung cho Nioo.Art. Vui lòng tham khảo chi tiết các gói đăng ký trên trang web của Nioo

Thông số kỹ thuật

| Mẫu                 |                                                   | BE43FX-H<br>(BE43FX-H2 : XL)                                                                                            | BE50FX-H<br>(BE50FX-H2 : XL, ZD) | BE55FX-H<br>(BE55FX-H2 : XL, ZD)                        | BE65FX-H<br>(BE65FX-H2 : XL, ZD)                                         | BE75FX-H<br>(BE75FX-H2 : ZD) | BE85FX-H<br>(BE85FX-H2 : ZD)                            |
|---------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Bảng<br>giao diện   | Kích thước                                        | 43                                                                                                                      | 50                               | 55                                                      | 65                                                                       | 75                           | 85                                                      |
|                     | Loại sản phẩm                                     | GO/KR/XP/ZL/PE : 60Hz E-LED BLU                                                                                         |                                  |                                                         | GO/KR/XP/ZX/ZL/ZD/PE : 60Hz E-LED BLU                                    |                              |                                                         |
|                     | Độ phân giải                                      |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 3,840 x 2,160                                                            |                              |                                                         |
|                     | Độ sáng (Loại)                                    |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 300nit                                                                   |                              |                                                         |
|                     | Thời gian phản hồi (G-to-G)                       |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 8ms                                                                      |                              |                                                         |
| Kết nối             | Gam màu                                           |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 98% (sRGB)                                                               |                              |                                                         |
|                     | Thời gian hoạt động                               |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 16/7                                                                     |                              |                                                         |
|                     | Độ công màn hình                                  |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A, Phông                                                               |                              |                                                         |
|                     | ĐẦU VÀO                                           | RGB                                                                                                                     |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     |                                                   | VIDEO                                                                                                                   |                                  |                                                         | HDMI x 3                                                                 |                              |                                                         |
|                     |                                                   | AUDIO                                                                                                                   |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     |                                                   | USB                                                                                                                     |                                  |                                                         | USB x1                                                                   |                              |                                                         |
|                     |                                                   | RF                                                                                                                      |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
|                     | ĐẦU RA                                            | RGB                                                                                                                     |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
|                     |                                                   | VIDEO                                                                                                                   |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     |                                                   | AUDIO                                                                                                                   |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
| Thiết kế            | Điều khiển điện tắt                               |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Điều khiển ngoài                                  |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Cảm biến ngoài                                    |                                                                                                                         |                                  |                                                         | RMS                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Kết nối không dây                                 | WiFi 5, Bluetooth 5.3                                                                                                   |                                  |                                                         | WiFi 5, Bluetooth 5.3                                                    |                              |                                                         |
|                     | Loại khung viền                                   |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
| Năng lượng          | Màu sắc                                           | Trước                                                                                                                   |                                  |                                                         | 3 không viền                                                             |                              |                                                         |
|                     | Chân đế                                           |                                                                                                                         |                                  |                                                         | ĐÉN                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Kiểu chân đế                                      | BASIC FEET, CI/ZB : FLAT FEET, XL : N/A                                                                                 |                                  |                                                         | (GQ/XY : XÂM TITAN)                                                      |                              |                                                         |
|                     | Xoay (Trái/Phải)                                  |                                                                                                                         |                                  |                                                         | CHÂN ĐÚNG CƠ BẢN, CI/ZB/ZD/XL : CHÂN ĐẾ PHẪNG                            |                              |                                                         |
|                     | Loại                                              |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
| Mechanical          | Bền trong                                         |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
|                     | Nguồn năng lượng                                  | AC100-240V 50/60Hz                                                                                                      |                                  |                                                         | AC100-240V 50/60Hz                                                       |                              |                                                         |
|                     | Công suất tiêu thụ tối đa (+/-5%)                 | 115                                                                                                                     | 125                              | 130                                                     | 175                                                                      | 230                          | AC100-240V 50/60Hz 280                                  |
|                     | Chế độ tiết kiệm năng lượng (W)                   |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Chỉ độ chói (W)                                   |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 0.5                                                                      |                              |                                                         |
| Mechanical          | Kích thước (mm)                                   | Tiêu chuẩn                                                                                                              | XV : 67.2                        | XV : 71.2                                               | XV : 79.3                                                                | XV : 113.5                   | XV : 142.1                                              |
|                     |                                                   | Lắp đặt không chân đế                                                                                                   | 957.8 x 558.8 x 76.3             | 1,110.8 x 643.8 x 76.4                                  | 1,224.6 x 707.8 x 76.6                                                   | 1,444.1 x 831.2 x 76.8       | 1,889.9 x 1,083.5 x 77                                  |
|                     |                                                   | Lắp đặt có chân đế                                                                                                      | 957.8 x 609 x 157                | 1,110.8 x 695.1 x 199                                   | 1,224.6 x 759.1 x 199                                                    | 1,444.1 x 882.2 x 222        | 1,889.9 x 1,132.8 x 326                                 |
|                     | Trọng lượng (kg)                                  | Gói                                                                                                                     | 1,065 x 635 x 118                | 1,228 x 743 x 127                                       | 1,354 x 810 x 127                                                        | 1,578 x 930 x 142            | 1,820 x 1,100 x 164                                     |
|                     |                                                   | Lắp đặt không chân đế                                                                                                   | 6.4                              | 8.3                                                     | 9.6                                                                      | 14.2                         | 22.4                                                    |
|                     |                                                   | Lắp đặt có chân đế                                                                                                      | 6.6                              | 8.6                                                     | 9.9                                                                      | 14.5                         | 22.8                                                    |
|                     | Độ rộng viền không có màng đen (mm, U/D/L/R)      | Gói                                                                                                                     | 9.0                              | 12.0                                                    | 14.4                                                                     | 21.0                         | 31.0                                                    |
|                     |                                                   | Lắp đặt không chân đế                                                                                                   | 8.3/129/8.3/8.3                  | 7.5/16.7/7.5/7.5                                        | 7.5/16.7/7.5/7.5                                                         | 7.8/16.8/7.8/7.8             | 9.1/18.1/9.2/9.2                                        |
|                     |                                                   | Lắp đặt có chân đế                                                                                                      | 8.3/129/8.3/8.3                  | 7.5/16.7/7.5/7.5                                        | 7.5/16.7/7.5/7.5                                                         | 7.8/16.8/7.8/7.8             | 9.1/18.1/9.2/9.2                                        |
|                     | Kích cỡ màn hình (mm, U/D/L/R)                    | Gói                                                                                                                     | 5.9/1.6/6.0/6.0                  |                                                         | 5.0/1.6/5.0/5.0                                                          |                              | 6.0/1.6/6.0/6.0                                         |
|                     |                                                   | Lắp đặt không chân đế                                                                                                   | 5.9/1.6/6.0/6.0                  |                                                         | 5.0/1.6/5.0/5.0                                                          |                              | 6.0/1.6/6.0/6.0                                         |
|                     |                                                   | Lắp đặt có chân đế                                                                                                      | 5.9/1.6/6.0/6.0                  |                                                         | 5.0/1.6/5.0/5.0                                                          |                              | 6.0/1.6/6.0/6.0                                         |
|                     | VESA                                              | Kích cỡ Vít                                                                                                             |                                  |                                                         | M8                                                                       |                              |                                                         |
|                     |                                                   | Độ rộng Vít                                                                                                             |                                  |                                                         | 23-25                                                                    |                              |                                                         |
|                     |                                                   | Thông số VESA                                                                                                           |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
| Chứng nhận          | Tính an toàn                                      |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 60065, 62368-1                                                           |                              |                                                         |
| Phụ kiện            | EMC                                               |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Loại B                                                                   |                              |                                                         |
| Video               | Bao gồm                                           | Điều khiển từ xa, Pin, Hướng dẫn sử dụng, Dây nguồn (XY/XV : Pin N/A)                                                   |                                  |                                                         | Điều khiển từ xa, Pin, Hướng dẫn sử dụng, Dây nguồn (ZD/XY/XV : Pin N/A) |                              |                                                         |
|                     | Bộ xử lý hình ảnh                                 |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Vi xử lý Crystal 4K                                                      |                              |                                                         |
|                     | HDR10+                                            |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Hỗ trợ                                                                   |                              |                                                         |
| Âm thanh            | Độ giải mã Dolby                                  |                                                                                                                         |                                  |                                                         | MST2 2ch                                                                 |                              |                                                         |
|                     | Công nghệ Âm thanh theo đầu chủ thể               |                                                                                                                         |                                  |                                                         | DST Lite                                                                 |                              |                                                         |
|                     | Công nghệ Q-Symphony                              |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | Đầu ra âm thanh (RMS)                             |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 20W                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Loại loa                                          |                                                                                                                         |                                  |                                                         | 2CH (10W+10W)                                                            |                              |                                                         |
| Broadcasting System | Mô tả lựa chọn tiến âm thanh                      |                                                                                                                         |                                  |                                                         | N/A                                                                      |                              |                                                         |
|                     | Phát âm thanh qua Bluetooth                       |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | Phát nội dung số                                  | XV : DVB-T2(VN : DVB-T2C)                                                                                               |                                  |                                                         | XV : DVB-T2(VN : DVB-T2C)                                                |                              | XV : DVB-T2(VN : DVB-T2C)                               |
|                     | Hệ thống âm thanh DTV                             |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Dolby                                                                    |                              |                                                         |
|                     | Bộ thu tín hiệu Analog                            |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
| Thiết bị thông minh | CI (Giao diện chung)                              |                                                                                                                         |                                  | N/A, CI/EN/XU : CI+(1.4)                                |                                                                          |                              | N/A, EN/XU : CI+(1.4)                                   |
|                     | Hệ điều hành                                      | SamsungbusinessTV, Netflix, Amazon Prime, Youtube, etc.                                                                 |                                  | Tizen™ Smart TV                                         |                                                                          |                              | SamsungbusinessTV, Netflix, Amazon Prime, Youtube, etc. |
|                     | Có hỗ trợ                                         |                                                                                                                         |                                  | SamsungbusinessTV, Netflix, Amazon Prime, Youtube, etc. |                                                                          |                              |                                                         |
| Tính năng           | Hướng sắp đặt                                     |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Ngang                                                                    |                              |                                                         |
|                     | Chung                                             |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | Thống minh                                        |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Tử Điện thoại sang TV, Phím chiếu âm thanh, TV không dây Bật             |                              |                                                         |
| Hỗ trợ tiếp cận     | Workspace                                         |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | Hỗ trợ LowVision                                  | Mô tả Âm thanh, Danh mục Phóng to và Văn bản, Độ tương phản Cao, SeeColors, Đảo màu, Thang độ xám, Tự động Tắt Hình ảnh |                                  |                                                         | Mô tả Âm thanh, Menu Phóng to và Văn bản, Độ tương phản cao              |                              |                                                         |
|                     | Hỗ trợ người khiếm thính                          |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Phụ đề, Âm thanh đa dạng đầu ra, Thu phóng ngôn ngữ ký hiệu              |                              |                                                         |
| Business TV Special | Hỗ trợ người khuyết tật vận động                  |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Lập lại Nút chậm, Ứng dụng Điều khiển từ xa cho mọi thiết bị             |                              |                                                         |
|                     | Điều khiển từ xa                                  | IR đơn giản (ZD/XY/XV : SolarCell BT)                                                                                   |                                  |                                                         | IR đơn giản (ZD/XY/XV : SolarCell BT)                                    |                              |                                                         |
|                     | VXTCMS                                            |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
|                     | PlayLock                                          | Không                                                                                                                   |                                  |                                                         | Không                                                                    |                              | Không                                                   |
|                     | Ứng dụng BizTV (Android, iOS)                     |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | Hẹn giờ Tắt/Mở                                    |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Không                                                                    |                              |                                                         |
|                     | Tự động khởi chạy Signage (Ứng dụng tự khởi động) |                                                                                                                         | Không                            |                                                         | Không                                                                    |                              | Không                                                   |
|                     | Ứng dụng cài đặt sẵn                              |                                                                                                                         |                                  |                                                         | Có                                                                       |                              |                                                         |
|                     | OTN Tắt/Mở                                        |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
|                     | Khóa Nút Bàng Điều Khiển                          |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |
| Khóa bảo mật        | Khóa Cổng USB                                     | Không                                                                                                                   |                                  |                                                         | Không                                                                    |                              | Không                                                   |
|                     | Danh mục kết nối di động                          |                                                                                                                         |                                  |                                                         |                                                                          |                              |                                                         |

Về Công ty TNHH Điện tử Samsung

Công ty TNHH Điện tử Samsung lan tỏa nguồn cảm hứng trên phạm vi toàn cầu trong việc định hình tương lai bằng những ý tưởng và công nghệ đột phá. Công ty đã và đang tái định nghĩa các lĩnh vực TV, điện thoại thông minh, thiết bị đeo, máy tính bảng, thiết bị gia dụng số, thiết bị y tế, hệ thống mạng, cùng các giải pháp bán dẫn và LED. Để cập nhật tin tức mới nhất, vui lòng truy cập Samsung Newsroom tại news.samsung.com.

Bảng hiệu thông minh

Để biết thêm thông tin về Bảng hiệu thông minh Samsung, vui lòng truy cập trang www.samsung.com/doanh-nghiep

Bản quyền © 2025 Công ty TNHH Điện tử Samsung. Mọi quyền được bảo lưu. Samsung là nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty TNHH Điện tử Samsung. Thông số kỹ thuật và thiết kế có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Trọng lượng và kích thước không thuộc hệ mét chỉ mang tính chất gần đúng. Tất cả dữ liệu được xem là chính xác tại thời điểm tạo ra. Samsung không chịu trách nhiệm cho bất kỳ các lỗi hoặc thiếu sót nào. Tất cả tên thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ và logo đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng, được công nhận và xác nhận tại đây.

Samsung Electronics Co., Ltd.  
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677 Republic of Korea